|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: VĂN  KHỐI LỚP: 10  TUẦN: 4/HK2 (từ **21/02/2022 đến 26/02/2022**) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**I.Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

Nội dung 1**:** **HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN**

Nội dung 2**:KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT**

\* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 1 hoặc SGK điện tử

\* Nguồn tài liệu tham khảo: Tài khoản MS Teams ( Bài giảng đã được lưu lại),

**II.Hướng dẫn cụ thể cho từng nội dung:**

Nội dung 1**: HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN**

**1.Kiến thức cần ghi nhớ**

- Hiểu, cảm phục, tự hào về tài năng đức độ lớn của người anh hùng dân tộc TQT, đồng thời hiểu được những bài học đạo lí quí báu cũng là bài học làm người mà ông để lại cho người sau.

- Thấy được cái hay, sức hấp dẫn của một tác phẩm lịch sử nhưng đậm chất văn học qua nghệ thuật kể chuyện khắc hoạ chân dung nhân vật lịch sử của tác giả và cũng hiểu được thế nào là “ *văn sử bất phân”*

**2.Cách thức tiến hành**

- HS đọc SGK trang 41 đến 44 từ đó nắm được nội dung văn bản và đặc trưng nghệ thuật của tác phẩm.

Chú ý nội dung:

**I Giới thiệu chung**

**1. Tác giả:** SGK

**2. Tác phẩm “ *Đại việt sử kí toàn thư*”**

Một tác phẩm sử kí đậm tính văn học, gồm 15 quyển ghi chép lịch sử từ thời Hồng Bàng ⭢Lê Thái Tổ lên ngôi (1428). Thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ.

**3. Trích đoạn**

a. Xuất xứ: Quyển 6 của bộ ĐVSKTT.

b. Chủ đề: Qua việc khắc hoạ chân dung một nhân vật lịch sử, đoạn trích ca ngợi phẩm chất, tài năng, đức độ của vị anh hùng TQT.

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Phẩm chất của Hưng Đạo Đại Vương TQT**

**a. Lời trình bày của TQT với vua về kế sách giữ nước.**

- Nên tuỳ thời thế mà có sách lược phù hợp, vận dụng linh hoạt không theo khuôn mẫu.

- Trọng dụng người tài

- Đoàn kết toàn dân ⭢ chiến thắng.

- Thượng sách giữ nước là “ *khoan thư sức dân”*

☞ Là vị tướng tài năng, mưu lược, nhìn xa trông rộng, sáng suốt, thương dân, trọng dân.

**b. Đối với lời cha dặn.**

- “ Để điều đó trong lòng nhưng không cho là phải”.

- Hỏi ý kiến để thử lòng 2 gia nô và 2 con:

+ Trước lời nói Yết Kiêu, Dã Tượng:Cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người.

+ Trước lời nói của Hưng Vũ Vương: ngầm cho là phải.

+ Trước lời nói của Hưng Nhượng Vương TQT: nổi giận rút gươm muốn chém, không cho gặp mặt khi chết.

☞ Là người trung nghĩa, có tình cảm chân thành, thẳng thắn, nghiêm khắc trong việc dạy con.

**c. Qua những chi tiết khác và qua lời bình của tác giả.**

**-** Là vị tướng anh hùng đầy dũng khí, tài năng mưu lược:

+ Đời Trùng Hưng lập nên công nghiệp.

+ “bệ hạ…. Hàng”

+ Cống hiến những tác phẩm quân sự có giá trị.

- Là người có đức độ lớn lao:

+ Khiêm tốn: “Kính cẩn giữ tiết làm tôi”.

+ Biết lấy dân làm gốc.

+ Tận tình với tướng sĩ dưới quyền, soạn sách, dạy bảo, khích lệ.

+ Biết coi trọng tiến cử người tài.

+ Cẩn thận phòng xa việc hậu sự.

+ Linh hiển phò trợ dân chống tai nạn, dịch bệnh.

☞TQT toàn tài toàn đức, nhân dân ngưỡng mộ, quân giặc cũng phải kính phục.

**2. Nghệ thuật kể chuyện và khắc hoạ nhân vật**

- Nghệ thuật kể chuyện điêu luyện, đạt hiệu quả cao: không đơn điệu theo thời gian, khéo léo đang lồng những nhận xét vào chuyện kể.

- Nghệ thuật khắc hoạ tính cách nhân vật: xây dựng nhân vật trong nhiều mối quan hệ và đặt trong tình huống thử thác, để lại ấn tượng sâu đậm- ***TQT một nhân cách vĩ đại , bất tử trong lòng dân tộc*** ý phân tích các chi tiết tiêu biểu làm nổi bật nội dung và nghệ thuật

3. **Luyện tập:** Trả lời các câu hỏi phần hướng dẫn tìm hiểu bài trong SGK trang .

Nội dung 2**: KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT**

**1.Kiến thức cần ghi nhớ**

- Nắm được những yêu cầu về sử dụng tiếng việt ở các phương diện: phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu, cấu tạo văn bản, phong cách chức năng ngôn ngữ.

- Vận dụng những yếu tố đó vào việc sử sụng, phân tích được sự đúng sai, sửa chữa những lỗi khi dùng tiếng việt.

- Có thái độ cầu tiến, có ý thức vươn tới cái đúng trong khi nói và viết, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

**2.Cách thức tiến hành**

- HS đọc SGK trang 33 đến 40 nắm khái quát lịch sử Tiếng Việt

- Đọc phần ghi nhớ trang 38.40 SGK

**I. Lịch sử phát triển của TV**

**1. TV trong thời kì dựng nước**

a. Nguồn gốc TV

- Có nguồn gốc bản địa.

- Thuộc họ ngôn ngữ Nam Á.

b. Quan hệ họ hàng của TV

- TV thuộc họ Môn- khơ me.

- Quan hệ họ hàng tiếng Mường, Khơme, Ba-na, Ca-tu.

- Quan hệ tiếp xúc tiếng Thái, tiếng Hán.

**2. TV trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc**

- TV bị chèn ép do tiếng Hán tràn vào và chính sách đồng hoá của phong kiến phương Bắc.

- Để tồn tại và phát triển, TV đã vay mượn nhiều từ ngữ Hán, Theo hướng Việt hoá:

+ Giữ nguyên nghĩa, cấu tạo, khác cách đọc.

+ Rút gọn ( *lạc hoa sinh ⭢ lạc).*

+ Đảo vị trí các yếu tố ( *nhiệt náo ⭢ náo nhiệt*).

+ Thay đổi nghĩa(*phương phi: hoa thơm cỏ lạ⭢béo tốt).*

+ Việt hoá chữ Hán ( *hồng nhan ⭢ má hồng*).

**3. TV dưới thời kì độc lập tự chủ**

- Xuất hiện chữ Nôm ⭢ TV khẳng định ưu thế ngày càng tinh tế, tronh sáng, uyển chuyển, phong phú

**4. TV trong thời kì Pháp thuộc**

- TV vẫn bị chèn ép.

- Nhờ sự thông dụng của chữ quốc ngữ, TV ngày càng tỏ rõ tính năng động.

**5. TV từ sau Cách mạng tháng 8 đến nay**

- Trở thành ngôn ngữ quốc gia.

⭢ Phải bảo vệ sự trong sáng, tính giàu đẹp của TV, phải nói viết đúng TV, chống lạm dụng từ ngữ nước ngoài.

**🖎 Ghi nhớ:** SGK

**II. Chữ viết TV**

**1. Chữ Nôm**

**-** Xuất hiện cùng với sự du nhập của chữ Hán.

- Chữ Nôm: SGK. ⭢ Thành quả văn học lớn nhất của người Việt.

- Nhược điểm: không được chuẩn hoá, muốn đọc chữ Nôm phải thông suốt chữ Hán.

**2. Chữ quốc ngữ**

- Hình thành từ thế kỉ XVIII do các giáo sĩ Phương tây truyền giáo.

- Là thứ chữ ghi âm tiếng việt dựa vào bộ chữ cái La tinh. Có nhiều ưu điểm như đơn giản, sử dụng chữ cái Latinh, cách viết và cách đọc có sự phù hợp khá cao; thuộc chữ cái ⭢ghép vần⭢đọc được

- Lúc đầu chỉ sử dụng hạn chế trong các xứ đạo, dần dần được phổ biến.Sau Cách mạng tháng 8: TV giành được vị trí xứng đáng trong mọi hoạt động của đất nước.

**🖎 Ghi nhớ:** SGK

**3. Luyện tập**

Luyện tập bài tập 1,2,3 SGK trang 40